

Số: 17/2020/CV-TTZ

V/v: Giải trình chênh lệch về số liệu trước và
sau kiểm toán trong BCTC Hợp nhất năm 2019

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung (TTZ) xin gửi
tới Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng!

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng
khoán tại khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Công
ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình về sự chênh
lệch trong số liệu trước và sau kiểm toán tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm
2019 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước kiểm	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
1	Tiền	111	1,056,119,662	1,046,745,151	(9,374,511)
2	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10,703,861,873	10,252,761,870	(451,100,003)
3	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(1,871,157,683)	(1,420,057,680)	(451,100,003)
4	Hàng tồn kho	141	24,294,675,180	9,953,533,138	(14,341,142,042)
5	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	0	14,341,142,042	14,341,142,042
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(1,858,422,122)	(1,857,796,633)	625,489
7	- LNST chưa phân phối kỳ này	421 b	(3,421,817,933)	(3,421,192,444)	625,489



Nguyên nhân:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền giảm số tiền: 9.374.511 đồng chủ yếu là do phản ánh do trong báo cáo tự lập có hợp nhất thêm công ty TNHH TTZ Media nhưng Công ty TNHH Tiến Trung chưa góp vốn vào công ty này nên có sự chênh lệch số liệu giữa kiểm toán và trước kiểm toán.
2. Phải thu ngắn hạn khác giảm 451.100.003 đồng do Công ty phân loại tính chất khoản ngắn hạn và dài hạn đúng quy định, đồng thời hạch toán bổ sung bút toán xóa nợ cho khách hàng (Nội dung này đã giải trình trong báo cáo riêng)
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi giảm 451.100.003 đồng do công đã xóa nợ cho khách hàng mà khoản nợ này đã trích lập 100%.
4. Hàng tồn kho giảm 14.341.142.042 đồng và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng 14.341.142.042 đồng do công ty chưa phản ánh đúng tính chất tài khoản và được kiểm toán tái phân loại lại về đúng bản chất.
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và lợi nhuận chưa phân phối kỳ này giảm 625.489 đồng do báo cáo tự lập có hợp nhất thêm công ty TNHH TTZ Media nhưng Công ty TNHH Tiến Trung chưa góp vốn vào công ty này nên có sự chênh lệch số liệu giữa kiểm toán và trước kiểm toán.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT


Hoàng Anh Quyết



Số:18/2020/CV_TTZ

V/v: Giải trình chênh lệch Kết quả hoạt động
trong BCTC hợp nhất năm 2019 với năm 2018

Thái bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiên Trung (TTZ) xin gửi tới Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng!

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiên Trung xin giải trình về kết quả kinh doanh hợp nhất giữa năm 2019 (Kỳ báo cáo) và năm 2018 (kỳ trước) như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Thay đổi (%)
1	Tổng doanh thu & thu nhập khác	13,301,797,110	162,795,171,555	-92%
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,237,838,734	161,925,037,490	-93%
	Doanh thu hoạt động tài chính	520,224,588	63,378,020	721%
	Thu nhập khác	1,543,733,788	806,756,045	91%
2	Tổng chi phí	16,740,323,483	162,521,907,074	-90%
	Giá vốn hàng bán	10,767,421,134	156,059,614,705	-93%
	Chi phí tài chính	278,637,007	380,181,179	-27%
	Chi phí bán hàng	603,383,652	1,525,149,657	-60%
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,546,499,578	1,952,306,467	82%
	Chi phí khác	1,544,382,112	2,604,655,066	-41%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	(3,349,526,373)	273,264,481	-1326%



	Chi phí thuế TNDN hiện hành	71,666,071	97,155,300	-26%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	(3,421,192,444)	176,109,181	-2043%

1. Giải trình chênh lệch doanh thu

Tổng doanh thu và thu nhập khác hợp nhất của Công ty năm 2019 giảm 92% so với năm 2018 chủ yếu do giảm hoạt động bán hàng thương mại tại Công ty mẹ (như đã giải trình trong chênh lệch HĐKD báo cáo tài chính riêng).

2. Giải trình chênh lệch chi phí

Tổng chi phí năm 2019 giảm 90% so với năm 2018 do việc giảm giá vốn, chi phí, tương ứng với sự sụt giảm về doanh thu do hoạt động bán hàng thương mại mà ảnh hưởng chủ yếu là từ hoạt động kinh doanh bán hàng tại công ty mẹ (như đã giải trình trong chênh lệch HĐKD báo cáo tài chính riêng).

3. Giải trình về chênh lệch lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế của công ty giảm 1326% và lợi nhuận sau thuế giảm 2043% do việc trong năm 2019 hoạt động sản xuất kinh doanh sụt giảm hẳn so với năm 2018. Doanh thu và chi phí đều giảm. Do công ty thực hiện tái cấu trúc kinh doanh nhưng chưa đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Trên đây là nguyên nhân dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2019 so với năm 2018 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiên Trung.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT



Hoàng Anh Quyết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thanh Na	Thành viên
Ông Chen Yu	Thành viên
Ông Yang Xiao Dong	Thành viên
Ông Lê Minh Diện	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Anh Quyết	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Lê Minh Diện	Kế toán trưởng	Từ nhiệm ngày 05/11/2019
Bà Trịnh Thị Anh	Phụ trách kế toán	

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Anh Quyết

Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Số: 325 /2020/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 07/04/2020, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung tại ngày 31 tháng 12 ngày 2019, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề nhấn mạnh

Tại thuyết minh số 3.10, trong năm 2019, Cục thuế tỉnh Thái Bình thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo Quyết định số 337/QĐ-CCTKV ngày 28/11/2019, quyết định có hiệu lực trong thời hạn 1 năm, kể từ ngày 02/12/2019 đến hết ngày 01/12/2020.

Ngày 24/09/2019, Cục thuế tỉnh Thái Bình đã ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung với số tiền bị cưỡng chế là 919.708.604 đồng. Tài khoản bị cưỡng chế là tài khoản của công ty mở tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàng Mai. Nguyên nhân, do công ty nợ tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế đã quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, hết thời hạn gia hạn nộp thuế theo quy định. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đã không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế nêu trên.

Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trình bày theo giả định hoạt động liên tục.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3660-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.153.251.782	48.022.351.112
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.046.745.151	744.051.349
Tiền	111		1.046.745.151	744.051.349
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.792.677.626	35.106.633.188
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.252.761.870	6.494.313.685
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	29.875.863.436	29.034.090.142
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	84.000.000	345.577.044
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(1.420.057.680)	(767.457.683)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		110.000	110.000
Hàng tồn kho	140	9	9.953.533.138	11.904.082.568
Hàng tồn kho	141		9.953.533.138	11.904.082.568
Tài sản ngắn hạn khác	150		360.295.867	267.584.007
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	34.232.433	170.300.115
Thuế GTGT được khấu trừ	152		100.000	97.283.892
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	325.963.434	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.947.426.621	45.127.037.250
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.000.000.000	14.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	14.000.000.000	14.000.000.000
Tài sản cố định	220		12.458.792.138	16.544.856.480
Tài sản cố định hữu hình	221	11	12.458.792.138	16.544.856.480
- Nguyên giá	222		21.278.547.847	24.943.550.246
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.819.755.709)	(8.398.693.766)
Tài sản dở dang dài hạn	240	10	14.341.142.042	14.341.142.042
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.341.142.042	14.341.142.042
Tài sản dài hạn khác	260		147.492.441	241.038.728
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	-	93.546.287
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		147.492.441	147.492.441
TỔNG TÀI SẢN	270		91.100.678.403	93.149.388.362

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		17.254.035.036	15.881.552.551
Nợ ngắn hạn	310		17.254.035.036	15.670.282.605
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	5.873.337.651	6.868.844.155
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		200.092.300	1.706.822.323
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.109.486.943	1.570.707.130
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.520.138.628	1.520.138.628
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	8.550.979.514	4.003.770.369
Nợ dài hạn	330		-	211.269.946
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	-	211.269.946
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	73.846.643.367	77.267.835.811
Vốn chủ sở hữu	410		73.846.643.367	77.267.835.811
Vốn góp của chủ sở hữu	411		75.704.440.000	75.704.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75.704.440.000	75.704.440.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.857.796.633)	1.563.395.811
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.563.395.811	1.387.286.631
- LNST chưa phân phối năm này	421b		(3.421.192.444)	176.109.180
TỔNG NGUỒN VỐN	440		91.100.678.403	93.149.388.362

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	11.237.838.734	161.925.037.490
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.237.838.734	161.925.037.490
Giá vốn hàng bán	11	18	10.767.421.134	156.059.614.705
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		470.417.600	5.865.422.785
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	520.224.588	63.378.020
Chi phí tài chính	22	20	278.637.007	380.181.179
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		278.637.007	380.181.179
Chi phí bán hàng	25	21	603.383.652	1.525.149.657
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	3.546.499.578	1.952.306.467
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.437.878.049)	2.071.163.502
Thu nhập khác	31	22	1.543.733.788	806.756.045
Chi phí khác	32	23	1.455.382.112	2.604.655.066
Lợi nhuận khác	40		88.351.676	(1.797.899.021)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.349.526.373)	273.264.481
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	71.666.071	97.155.300
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.421.192.444)	176.109.181
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(3.421.192.444)	176.109.181
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(452)	25

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(3.349.526.373)	273.264.481
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.319.993.964	3.225.896.535
Các khoản dự phòng	03		652.599.997	(922.285.744)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(824.962.817)	2.439.374.002
Chi phí lãi vay	06		278.637.007	380.181.179
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(923.258.222)	5.396.430.453
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(4.357.264.886)	12.169.099.606
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		1.950.549.430	(1.086.231.518)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.625.895.572)	(1.630.847.348)
Giảm chi phí trả trước	12		229.613.969	660.345.550
Tiền lãi vay đã trả	14		(278.637.007)	(380.181.179)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(778.517.528)	(921.322.352)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.783.409.816)	14.207.293.212
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(16.950.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.750.000.000	1.004.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.900.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		124.104	378.020
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.750.124.104	(14.045.621.980)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		17.163.651.893	6.860.040.315
Tiền trả nợ gốc vay	34		(12.827.672.379)	(7.164.037.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.335.979.514	(303.997.439)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		302.693.802	(142.326.207)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	744.051.349	886.377.556
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	1.046.745.151	744.051.349

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020



Hoàng Anh Quyết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung được thành lập và hoạt động trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Tiến Trung (Doanh nghiệp được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10 tháng 04 năm 2003) theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 24/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 10 ngày 03/12/2018, Vốn điều lệ của Công ty là: 75.704.440.000 VNĐ (Bảy mươi lăm tỷ bảy trăm linh bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) được chia thành 7.570.444 cổ phần với mệnh giá trên 1 cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bột đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rậm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm là kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất gạch
Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La	Sơn La	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 KỲ KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

2.3 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 HỢP NHẤT KINH DOANH

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiếu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau: Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đặc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2019 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

3.6 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 19
- Máy móc, thiết bị	03 - 14
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

3.7 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.8 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm kế toán.

3.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền của các tổ chức, cá nhân.

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Trong năm, Cục thuế tỉnh Thái Bình gửi quyết định số 337/QĐ-CCTKV ngày 28/11/2019 về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung, quyết định có hiệu lực trong thời hạn 1 năm, kể từ ngày 02/12/2019 đến hết ngày 01/12/2020.

Ngày 24/09/2019, Chi cục thuế tỉnh Thái Bình đã ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung. Số tiền bị cưỡng chế là 919.708.604 đồng. Tài khoản bị cưỡng chế là tài khoản của công ty mở tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàng Mai. Nguyên nhân, do công ty nợ tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế đã quá 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, hết thời hạn gia hạn nộp thuế theo quy định. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đã không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế nêu trên.

3.11 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.038.133.375	701.059.008
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.611.776	42.992.341
	1.046.745.151	744.051.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	34.232.433	170.300.115
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	34.232.433	170.300.115
Dài hạn	-	93.546.287
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	93.546.287
	34.232.433	263.846.402

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.252.761.870	(1.420.057.680)	6.494.313.685	(767.457.683)
- Công ty TNHH Ô tô và Thiết bị Thiên Trường Long	3.629.000.000	(1.088.700.000)	4.496.400.000	-
- Công ty TNHH Long Triều	-	-	451.100.003	(451.100.003)
- Công ty CP Xây lắp Tây Sơn	182.964.620	(182.964.620)	182.964.620	(182.964.620)
- Công ty cổ phần xây dựng sản xuất và thương mại Đại Sản	3.240.247.850	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.200.549.400	(148.393.060)	1.363.849.062	(133.393.060)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
	10.252.761.870	(1.420.057.680)	6.494.313.685	(767.457.683)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	29.875.863.436	-	29.034.090.142	-
- Ông Nguyễn Hữu Hạnh (1)	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Quốc Tế Long Phát Đạt	4.501.000.000	-	4.085.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và vận tải Thiệp Mơ	139.621.200	-	139.621.200	-
- Công ty TNHH Skylink Việt Nam	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
- Ông Bùi Văn Tường (2)	6.450.000.000	-	6.450.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Vinh (3)	5.107.788.532	-	5.107.788.532	-
- Trả trước cho người bán khác	677.453.704	-	251.680.410	-
Dài hạn	-	-	-	-
	29.875.863.436	-	29.034.090.142	-

- (1) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc giữ Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Tiến Trung với ông Nguyễn Hữu Hạnh nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất lô số BL524975 với diện tích 20.808 m² tại Đồi Khạo, Xóm Khuộc, Xã Cao Rãm, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình. Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng công chứng số 554/quyển số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD với hộ gia đình Ông Nguyễn Hữu Hạnh, giá trị chuyển nhượng là 10.500.000.000 đồng.
- (2) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình với ông Bùi Văn Tường nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất lô số BL524980 với diện tích 16.944 m² tại Đồi Khạo, Xóm Khuộc, Xã Cao Rãm, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình. Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng công chứng số 554/quyển số 01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD với hộ gia đình Ông Bùi Văn Tường, giá trị chuyển nhượng là 6.450.000.000 đồng.
- (3) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 07/04/2016 giữa Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình với ông Nguyễn Văn Vinh tại thửa đất lô số CH02710 với diện tích 33.317,2 m² tại Xóm Trọm, Xã Phong Phú, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	84.000.000	-	345.577.044	-
- Tạm ứng	-	-	240.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Liên	63.000.000	-	63.000.000	-
- Phải thu khác	21.000.000	-	42.577.044	-
Dài hạn	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
- Phải thu tiền hợp tác đầu tư dự án (*)	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
	14.084.000.000	-	14.345.577.044	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư phải thu dài hạn khác là khoản tiền góp vốn hợp tác thực hiện dự án “Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” trên diện tích 7,2 ha, tổng vốn đầu tư dự kiến 70.000.000.000 đồng tại huyện Lương Sơn, Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình theo hai hợp đồng Hợp tác kinh doanh:

- Hợp đồng số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 giữa Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình; giá trị hợp tác tại ngày 31/12/2017 là 9.000.000.000 đồng;
- Hợp đồng số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 giữa Công ty con - Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình, giá trị hợp tác tại ngày 31/12/2017 là 5.000.000.000 đồng;

Các nghĩa vụ, quyền lợi cho mỗi Bên sẽ được phân chia theo tỷ lệ tham gia đầu tư. Thời gian hợp tác kinh doanh tương ứng thời gian đầu tư của dự án khai thác thăm dò chế biến là 23 năm. Định kỳ 6 tháng/lần Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình sẽ lập báo cáo về tình hình thực hiện dự án để Công ty có thể nắm bắt được. Tại ngày 31/12/2019, theo báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư cho kỳ 6 tháng cuối năm 2019, dự án đã hoàn thiện thủ tục pháp lý và đang triển khai xây dựng các hạng mục công trình. Dự án dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động trong quý II năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.041.849.327	-	868.411.842	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	8.607.111.158	-	9.970.866.252	-
Thành phẩm	179.556.260	-	526.246.183	-
Hàng hóa	125.016.393	-	538.558.291	-
	9.953.533.138	-	11.904.082.568	-

(*) Là chi phí thực hiện san lấp mặt bằng tại Xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng san lấp mặt bằng với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình ngày 01/01/2018.

10. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	14.341.142.042	-	14.341.142.042	-
- Đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tiến Trung Hòa Bình (*)	14.341.142.042	-	14.341.142.042	-
	14.341.142.042	-	14.341.142.042	-

(*) Chi phí thi công xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình đang được Công ty tiếp tục xây dựng cho Công ty con theo kế hoạch điều chỉnh mở rộng quy mô dự án đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt, theo Quyết định chủ trương đầu tư số 06/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 về việc điều chỉnh quy mô và hạng mục đầu tư của dự án nhà máy gạch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2019	15.468.578.429	3.312.848.849	6.162.122.968	24.943.550.246
- Tăng, giảm khác	121.526	(364.000)	242.474	-
- Thanh lý, nhượng bán	(2.036.753.308)	(72.727.273)	(1.555.521.818)	(3.665.002.399)
31/12/2019	<u>13.431.946.647</u>	<u>3.239.757.576</u>	<u>4.606.843.624</u>	<u>21.278.547.847</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2019	(3.551.058.793)	(2.019.469.002)	(2.828.165.971)	(8.398.693.766)
- Khấu hao trong năm	(983.208.468)	(631.787.963)	(704.997.533)	(2.319.993.964)
- Tăng, giảm khác	(7.283.580)	-	7.283.580	-
- Thanh lý, nhượng bán	987.420.396	72.727.273	838.784.352	1.898.932.021
31/12/2019	<u>(3.554.130.445)</u>	<u>(2.578.529.692)</u>	<u>(2.687.095.572)</u>	<u>(8.819.755.709)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2019	<u>11.917.519.636</u>	<u>1.293.379.847</u>	<u>3.333.956.997</u>	<u>16.544.856.480</u>
31/12/2019	<u>9.877.816.202</u>	<u>661.227.884</u>	<u>1.919.748.052</u>	<u>12.458.792.138</u>

Tại ngày 31/12/2019:

- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 322.113.333 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	5.873.337.651	5.873.337.651	6.868.844.155	6.868.844.155
- Công ty TNHH Thương mại và VLXD Tây Hà	594.404.820	594.404.820	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thịnh Gia Phát	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH Hóa dầu và Chất đốt	716.652.810	716.652.810	716.652.810	716.652.810
- Công ty Oanh Tuyết	546.964.000	546.964.000	546.964.000	546.964.000
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	2.015.316.021	2.015.316.021	3.605.227.345	3.605.227.345
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	5.873.337.651	5.873.337.651	6.868.844.155	6.868.844.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI PHẢI NỢP/THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	596.229.891	426.204.776	474.057.026	548.377.641
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	728.915.425	71.666.071	460.743.385	339.838.111
- Thuế thu nhập cá nhân	5.200.000	-	-	5.200.000
- Thuế tài nguyên	21.863.622	70.890.000	35.875.158	56.878.464
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	70.886.665	-	70.886.665	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	147.611.527	21.455.167	9.873.967	159.192.727
	1.570.707.130	590.216.014	1.051.436.201	1.109.486.943
	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	317.774.143	317.774.143
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	4.075.956	4.075.956
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	4.113.335	4.113.335
	-	-	325.963.434	325.963.434

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.520.138.628	1.520.138.628
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.520.138.628	1.520.138.628
+ <i>Cổ tức phải trả (*)</i>	<i>1.400.000.000</i>	<i>1.400.000.000</i>
+ <i>Khoản phải trả phải nộp khác</i>	<i>120.138.628</i>	<i>120.138.628</i>
Dài hạn	-	-
	1.520.138.628	1.520.138.628

(*) Theo thông báo số 11618/VSD-ĐK.NV ngày 24/12/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc thay đổi ngày thanh toán cổ tức - mã chứng khoán TTZ. Thông tin điều chỉnh thời gian thực hiện là ngày 30/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	8.550.979.514	8.550.979.514	17.374.921.839	12.827.712.694	4.003.770.369	4.003.770.369
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>8.241.362.893</i>	<i>8.241.362.893</i>	<i>17.163.651.893</i>	<i>12.352.329.315</i>	<i>3.430.040.315</i>	<i>3.430.040.315</i>
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	3.430.000.000	3.430.000.000	6.860.000.000	6.860.040.315	3.430.040.315	3.430.040.315
- Vay cá nhân (2)	4.811.362.893	4.811.362.893	10.303.651.893	5.492.289.000	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>	<i>309.616.621</i>	<i>309.616.621</i>	<i>211.269.946</i>	<i>475.383.379</i>	<i>573.730.054</i>	<i>573.730.054</i>
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	260.000.000	260.000.000	140.000.000	240.000.000	360.000.000	360.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (4)	49.616.621	49.616.621	71.269.946	235.383.379	213.730.054	213.730.054
Vay và nợ dài hạn	-	-	-	211.269.946	211.269.946	211.269.946
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	-	-	-	140.000.000	140.000.000	140.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (4)	-	-	-	71.269.946	71.269.946	71.269.946
Cộng	8.550.979.514	8.550.979.514	17.374.921.839	13.038.982.640	4.215.040.315	4.215.040.315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 629/2018/HDTD/HMI/01 ngày 20/9/2018, giá trị hạn mức tín dụng 3.700.000.000, thời hạn vay 12 tháng, thời gian giải ngân kể từ ngày 20/09/2018 đến ngày 20/09/2019, lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thương mại hàng hoá. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 757/2016/HDDTC ký ngày 23/3/2016 giữa TPBank và ông Hoàng Anh Quyết. Số dư cuối kỳ 3.430.000.000 đồng có thời hạn vay 6 tháng, thời gian đáo hạn đến tháng 3/2020.
- (2) Các khoản vay cá nhân cá nhân với lãi suất 0%.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 210116-2600476-01-SME ngày 23/01/2016, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/01/2016, lãi suất vay thả nổi theo lãi suất vay dài hạn của ngân hàng VP Bank. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Hyundai biển số 17A-053.59 và xe ô tô TMT biển số 17A-061.69.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 3400LAV201600087 ngày 05/04/2016, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 05/04/2016, lãi suất 10%/ năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô biển số 17C-06656.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2018	70.000.000.000	8.491.726.630	78.491.726.630
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	5.704.440.000	(5.704.440.000)	-
- Lãi trong năm	-	176.109.181	176.109.181
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
+ Chia cổ tức trong năm	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
31/12/2018	75.704.440.000	1.563.395.811	77.267.835.811
01/01/2019	75.704.440.000	1.563.395.811	77.267.835.811
- Lỗ trong năm	-	(3.421.192.444)	(3.421.192.444)
31/12/2019	75.704.440.000	(1.857.796.633)	73.846.643.367

16.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2019 VND
- Ông Hoàng Anh Quyết	365.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Tú	5.239.760.000
- Trần Thị Thanh Na	6.247.920.000
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Việt Tú	4.435.770.000
- Ông Chen Yu	7.144.200.000
- Ông Yang Xiao Dong	4.432.720.000
- Các đối tượng khác	47.839.070.000
	75.704.440.000

16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	75.704.440.000	70.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	5.704.440.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	75.704.440.000	75.704.440.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.400.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16.4 CỒ PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.570.444	7.570.444
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.570.444	7.570.444
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	11.237.838.734	161.456.661.335
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	468.376.155
	11.237.838.734	161.925.037.490

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	10.767.421.134	155.941.363.762
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	118.250.943
	10.767.421.134	156.059.614.705

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.104	63.378.020
Lãi tài chính khác	520.100.484	-
	520.224.588	63.378.020

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	278.637.007	380.181.179
	278.637.007	380.181.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản chi phí bán hàng	603.383.652	1.525.149.657
Chi phí nhân viên	-	136.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	586.157.652	1.288.828.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.226.000	100.321.549
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	3.546.499.578	1.952.306.467
Chi phí nhân viên	270.602.750	625.468.184
Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ văn phòng	330.457.347	631.409.112
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.585.602.726	784.702.884
Chi phí thuế, phí, lệ phí	-	107.786.665
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.940.851	645.376.028
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(902.285.744)
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.103.700.000	-
Chi phí quản lý bằng tiền khác	9.195.904	59.849.338
	4.149.883.230	3.477.456.124

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ	824.838.713	-
Các khoản khác	718.895.075	806.756.045
	1.543.733.788	806.756.045

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Xử lý chi phí dở dang	1.363.755.094	-
Các khoản bị phạt	91.623.018	101.903.044
Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đã bù trừ tiền thu thanh lý	-	2.502.752.022
Các khoản khác	4.000	-
	1.455.382.112	2.604.655.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.905.598.562	2.442.257.067
Chi phí nhân công	270.602.750	3.062.452.184
Chi phí đồ dùng văn phòng	97.885.386	865.492.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.171.760.378	3.225.896.535
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(902.285.744)
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.103.700.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	270.102.755	1.251.288.078
	13.819.649.831	9.945.100.842

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty mẹ		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	<i>(2.719.355.628)</i>	<i>344.857.093</i>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	37.386	6.192.949
<i>Thu nhập chịu thuế</i>	<i>(2.719.318.242)</i>	<i>351.050.042</i>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước	-	4.575.236
Thuế TNDN truy thu năm 2018	43.000.000	-
Thuế TNDN hiện hành của Công ty mẹ	43.000.000	65.634.772
Công ty con		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	<i>(1.517.169.400)</i>	<i>(71.592.612)</i>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	1.455.344.726	24.400.000
<i>Thu nhập chịu thuế</i>	<i>(61.824.674)</i>	<i>(47.192.612)</i>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước	-	31.520.528
Điều chỉnh thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Biên bản Thanh tra Thuế	28.666.071	-
Thuế TNDN hiện hành của Công ty con	28.666.071	31.520.528
Thuế TNDN hiện hành hợp nhất	71.666.071	97.155.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi/lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(3.421.192.444)	176.109.181
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	7.570.444	7.141.922
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(452)	25

27. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

28. THÔNG TIN KHÁC

28.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	181.500.000	121.800.000

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Thanh lý tài sản cho ông Hoàng Anh Quyết	2.000.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Tạm ứng của ông Hoàng Anh Quyết	-	240.000.000

28.2 THÔNG TIN KHÁC

Công ty TNHH TTZ MEDIA được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108457384 ngày 03/10/2018, chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung. Ngành nghề hoạt động kinh doanh chính là hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2019 Công ty chưa thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH TTZ MEDIA.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

28.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đã được kiểm toán.

Thái Bình, ngày 07 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết